TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31-3-2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Phạm Thị Lanh.**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà **Trần Thị Thu Hà**.

2. Ông **Huỳnh Hồng**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà **Ngô Thị Quyên -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 495/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2019, về tranh chấp *"ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thụy Phương T** – sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: ấp 1, xã T, huyện B, tỉnh L.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng D** - sinh năm: 1971 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 16/9/2019 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thụy Phương T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàng D do mai mối rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 10/4/1997.

Sau ngày cưới vợ chồng chị sống chung gia đình cha mẹ chồng được 02 năm sau đó vợ chồng ra sống riêng tự lập, thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 21 tháng đến tháng 02 năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, vợ chồng không có tiếng nói

chung, anh D không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị và anh D đã không còn sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay.

Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hoàng D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh H, sinh ngày 27/6/1998. Cháu H đã thành niên nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thụy Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Chị Nguyễn Thụy Phương T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Nguyễn Hoàng D có đơn xin vắng mặt nhưng tại bảng khai ý kiến ngày 03/3/2020 anh D trình bày:

Về mối quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất theo lời trình bày của chị T về mối quan hệ hôn nhân anh bổ sung thêm mâu thuẫn vợ chồng do mẹ anh lớn tuổi nên anh phải thường xuyên tới lui nhà mẹ anh để chăm lo cho mẹ anh nên vợ anh không hiểu anh, vợ anh cho rằng anh không quan tâm chăm sóc vợ con. Anh và chị T đã không còn sống chung với nhau từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý mà anh yêu cầu được đoàn tụ.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh H, sinh ngày 27/6/1998. Cháu H đã thành niên nên anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Hoàng D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Anh Nguyễn Hoàng D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: Đơn khởi kiện ngày 16/9/2019, Chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh; Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; Dịch vụ chuyển phát nhanh; Trích lục cải chính hộ tịch, sổ hộ khẩu (bản sao), giấy chứng minh nhân dân (bản sao).

Bị đơn đã nộp: Bảng khai ý kiến, đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, đương sự khẳng định không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thụy Phương T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết việc hôn nhân giữa chị và anh Nguyễn Hoàng D. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Anh Nguyễn Hoàng D có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Hoàng D.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thụy Phương T và anh Nguyễn Hoàng D do mai mối rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Hiếu, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 10/4/1997 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống theo chị T trình bày thì thời gian vợ chồng sống hạnh phúc được 21 năm đến tháng 02 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh D không quan tâm chăm sóc vợ con. Chị T và anh D không còn sống chung từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Anh D trình bày anh vẫn thương yêu vợ con nhưng vì anh phải chăm lo cho mẹ anh nên vợ anh không hiểu cho anh rồi dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt nay đối với yêu cầu xin ly hôn của chị T thì anh D không đồng ý mà anh D yêu cầu được đoàn tụ.

Xét thấy chị T và anh D đã không còn sống chung từ tháng 02 năm 2019 cho đến nay, anh D yêu cầu được đoàn tụ nhưng từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay anh D và chị T không đoàn tụ được, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh D, chị T xác định không còn tình cảm với anh D. Vì vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thụy Phương T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh H, sinh ngày 27/6/1998. Cháu H đã thành niên nên chị T và anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thụy Phương T và anh Nguyễn Hoàng D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thụy Phương T và anh Nguyễn Hoàng D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thụy Phương T phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thụy Phương T.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thụy Phương T được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng D.

Về con chung: Chị Nguyễn Thụy Phương T và anh Nguyễn Hoàng D có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Anh H, sinh ngày 27/6/1998. Cháu Nguyễn Hoàng Anh H đã thành niên nên chị Nguyễn Thụy Phương T và anh Nguyễn Hoàng D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thụy Phương T và anh Nguyễn Hoàng D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Chị Nguyễn Thụy Phương T và anh Nguyễn Hoàng D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thụy Phương T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Nguyễn Thụy Phương T đã nộp theo biên lai thu số N^{0}0007771, ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Nguyễn Thụy Phương T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Hiếu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Lanh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Lanh